

Số: 1994 /QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 25 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản
đối với 09 (chín) mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường
trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2021**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ Quy định phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 16/2014/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bộ Tài chính quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ Quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Nghị quyết số 33/2012/NQ-HĐND ngày 13/12/2012 về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 19/2010/NQ-HĐND ngày 09/7/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc phê chuẩn Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm VLXD TT tỉnh Cao Bằng đến năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng Nghị quyết kỳ họp thứ 2 Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVII, nhiệm kỳ 2021 - 2026;

Căn cứ Quyết định số 2315/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2020 về việc phê duyệt bổ sung mỏ đá Nam Hà, xã Đại Sơn, huyện Quảng Hòa vào Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Cao Bằng đến năm 2020 và Quyết định số 43/QĐ-UBND

ngày 06 tháng 01 năm 2020 về việc điều chỉnh tọa độ các điểm góc xác định ranh giới mỏ đá Nam Hà, xã Đại Sơn, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng của Quyết định phê duyệt bổ sung mỏ đá Nam Hà, xã Đại Sơn, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng vào Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Cao Bằng đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 237/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc phê duyệt bổ sung 09 mỏ (07 mỏ đất, 02 mỏ đá) khoáng sản làm vật liệu xây dựng vào Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng tỉnh Cao Bằng đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc phê duyệt điều chỉnh bổ sung, mở rộng diện tích quy hoạch mỏ đá Bó Nặm - Nà Mo, khu 1, thị trấn Pác Miầu, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Quyết định số 617/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc phê duyệt điều chỉnh bổ sung, mở rộng diện tích quy hoạch mỏ đá Pài Cái, xóm Pác Chang, xã Khâm Thành, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng;

Căn cứ Quyết định số 711/QĐ-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc phê duyệt bổ sung Mỏ đá Phia Lả, xóm Sơn Lộ, xã Cao Chương, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng vào Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng tỉnh Cao Bằng đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1286/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc phê duyệt bổ sung 02 mỏ (01 mỏ đá, 01 mỏ cát) khoáng sản làm vật liệu xây dựng vào Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng tỉnh Cao Bằng đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1843/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc phê duyệt bổ sung mỏ đá Khuổi Quân vào Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng tỉnh Cao Bằng đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1913/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc phê duyệt 09 (chín) mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường là khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 3400/TTr-STNMT ngày 19 tháng 10 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với 09 (chín) mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2021 (Kế hoạch chi tiết và danh sách các mỏ kèm theo).

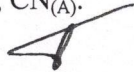
Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch đầu giá quyền khai thác khoáng sản được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, ban hành.

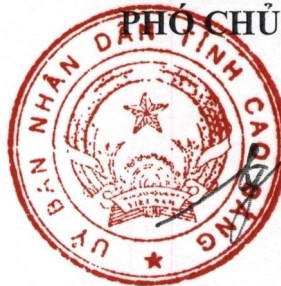
Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Tư pháp, Xây dựng, Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Quảng Hòa; Chủ tịch UBND huyện Trùng Khánh; Chủ tịch UBND huyện Hạ Lang; Chủ tịch UBND huyện Bảo Lâm; Chủ tịch UBND huyện Hòa An và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin, VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN_(A).



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH




Nguyễn Trung Thảo



KẾ HOẠCH

Đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với 09 (chín) mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2021

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1994 /QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)*

Thực hiện các quy định của pháp luật về khoáng sản, Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với 09 mỏ (08 mỏ đá, 01 mỏ cát, sỏi đồi) khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2021, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

a) Đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh làm căn cứ pháp lý cho việc lập thủ tục cấp Giấy phép hoạt động khai thác khoáng sản theo quy định của Luật Khoáng sản 2010, trên nguyên tắc đảm bảo tính công khai, minh bạch, bảo đảm sự công bằng, bình đẳng giữa các nhà đầu tư.

b) Nhằm quản lý, khai thác và sử dụng hợp lý, tiết kiệm, đáp ứng nhu cầu vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh, đồng thời phát huy tiềm năng khoáng sản, thu hút đầu tư khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên khoáng sản, tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

c) Thông qua đấu giá lựa chọn những tổ chức, cá nhân có đủ năng lực tài chính để đảm bảo thực hiện dự án hoạt động khoáng sản, triển khai công tác bảo vệ môi trường, thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước và trách nhiệm với địa phương nơi có khoáng sản được khai thác.

2. Yêu cầu:

a) Thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản đảm bảo đúng quy định của pháp luật về đấu giá quy định tại Luật đấu giá tài sản 2016; Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ; Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính; Thông tư số 16/2014/TT-BTNMT ngày 14/4/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

b) Công khai, minh bạch trong công tác quản lý khoáng sản, tạo bình đẳng giữa các nhà đầu tư, nhằm phát huy hiệu quả kinh tế xã hội.

c) Các khu vực khoáng sản được lựa chọn đưa ra đấu giá phải thuộc Quy hoạch đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt cụ thể: Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Cao Bằng đến năm 2020.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ THỰC HIỆN ĐẤU GIÁ

1. Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;
2. Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016;
3. Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;
4. Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản.
5. Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
6. Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;
7. Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;
8. Thông tư số 16/2014/TT-BTNMT ngày 14/4/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy chế hoạt động của Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản;
9. Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ;
10. Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật đấu giá tài sản;
11. Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính ban hành quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản;
12. Thông tư số 108/2020/TT-BTC ngày 21/12/2020 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật đấu giá tài sản.
13. Quyết định số 2315/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2020 về việc phê duyệt bổ sung mỏ đá Nam Hà, xã Đại Sơn, huyện Quảng Hòa vào Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Cao Bằng đến năm 2020 và Quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2020 về việc điều chỉnh tọa độ các điểm góc xác định

ranh giới mỏ đá Nam Hà, xã Đại Sơn, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng của Quyết định phê duyệt bổ sung mỏ đá Nam Hà, xã Đại Sơn, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng vào Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Cao Bằng đến năm 2020;

14. Quyết định số 237/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc phê duyệt bổ sung 09 mỏ (07 mỏ đất, 02 mỏ đá) khoáng sản làm vật liệu xây dựng vào Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng tỉnh Cao Bằng đến năm 2020;

15. Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc phê duyệt điều chỉnh bổ sung, mở rộng diện tích quy hoạch mỏ đá Bó Nặm - Nà Mo, khu 1, thị trấn Pác Miầu, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng;

16. Quyết định số 617/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc phê duyệt điều chỉnh bổ sung, mở rộng diện tích quy hoạch mỏ đá Pài Cái, xóm Pác Chang, xã Khâm Thành, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng;

17. Quyết định số 711/QĐ-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc phê duyệt bổ sung Mỏ đá Phia Lả, xóm Sơn Lộ, xã Cao Chương, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng vào Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng tỉnh Cao Bằng đến năm 2020;

18. Quyết định số 1286/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc phê duyệt bổ sung 02 mỏ (01 mỏ đá, 01 mỏ cát) khoáng sản làm vật liệu xây dựng vào Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng tỉnh Cao Bằng đến năm 2020;

19. Quyết định số 1843/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc phê duyệt bổ sung mỏ đá Khuổi Quân vào Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng tỉnh Cao Bằng đến năm 2020;

20. Quyết định số 1913/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc phê duyệt 09 (chín) mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường là khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

III. NỘI DUNG

1. Các khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản năm 2021, gồm có 08 (tám) khu vực đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường, 01 (một) khu vực cát, sỏi đồi làm vật liệu xây dựng thông thường (*Danh sách kèm theo Quyết định*).

2. Phương pháp tiến hành: Tổ chức phiên đấu giá theo quy định của Luật Khoáng sản 2010; Luật đấu giá tài sản; Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ; Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bộ Tài chính; các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

3. Thời gian thực hiện: Trong năm 2021.

Trường hợp, trong năm 2021 chưa thực hiện hết việc đấu giá quyền khai thác khoáng sản các khu vực đã phê duyệt trong Kế hoạch này thì chuyển sang đấu giá quyền khai thác khoáng sản trong năm 2022.

4. Kinh phí thực hiện: Theo quy định của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ; Thông tư Liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

IV. NHIỆM VỤ

1. Thông báo công khai danh mục các khu vực có khoáng sản được đưa ra đấu giá theo kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên Cổng Thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh và Trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

2. Điều tra, khảo sát đánh giá sơ bộ các thông tin cơ bản về địa chất và khoáng sản khu vực mỏ đưa ra đấu giá quyền khai thác khoáng sản, điều kiện khai thác, hiện trạng cơ sở hạ tầng khu vực, các tài liệu liên quan để làm cơ sở lập hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản (đối với các khu vực chưa được điều tra khảo sát).

3. Xác định giá khởi điểm phiên đấu giá, bước giá, tiền đặt trước cho các khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

4. Lập hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản và tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định hiện hành.

V. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN LIÊN QUAN

1. Sở Tài nguyên và Môi trường là đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức và thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản các mỏ nêu trên như sau:

a) Đề nghị thành lập Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản hoặc thuê tổ chức đấu giá tài sản để tổ chức thực hiện việc đấu giá theo quy định.

b) Chuẩn bị hồ sơ và thủ tục cho hoạt động đấu giá quyền khai thác khoáng sản cho từng khu vực cụ thể.

c) Chủ trì lựa chọn đơn vị tư vấn lập đề án và thực hiện công tác điều tra đánh giá khoáng sản làm cơ sở xây dựng giá khởi điểm, bước giá và tiền đặt trước.

d) Lập và trình UBND tỉnh phê duyệt dự toán kinh phí tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với các khu vực nêu trên, phối hợp với các cơ quan liên quan báo cáo cấp có thẩm quyền đảm bảo kinh phí để triển khai thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính.

đ) Thực hiện các trình tự, thủ tục đấu giá và các nội dung khác thực hiện theo quy định tại Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ; Luật đấu giá tài sản 2016, các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Sở Tài Chính:

a) Phối hợp tham gia Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản (trong trường hợp thành lập Hội đồng đấu giá).

b) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc thực hiện các công việc liên quan đến trình tự, thủ tục đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật.

c) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định kinh phí phục vụ công tác chuẩn bị và tổ chức đấu giá theo quy định.

d) Phối hợp tham gia thực hiện các công việc khác được giao theo đúng chức năng, nhiệm vụ.

3. Sở Tư pháp:

a) Tham gia Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản (trong trường hợp thành lập Hội đồng đấu giá).

b) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản điều hành phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật.

4. Các Sở, ngành khác có liên quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc tổ chức và triển khai hoạt động đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo Kế hoạch này.

Tham gia Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản (trong trường hợp thành lập Hội đồng đấu giá), phối hợp với các cơ quan liên quan chuẩn bị đầy đủ điều kiện, đảm bảo cho việc đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo đúng quy định của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

5. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện liên quan:

a) Tham gia Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản (trong trường hợp thành lập Hội đồng đấu giá).

b) Đăng ký các điểm mở đấu giá quyền khai thác khoáng sản vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 và các năm sau của địa phương.

c) Tổ chức chỉ đạo thực hiện việc bảo vệ mặt bằng, mốc giới khu đấu giá quyền khai thác khoáng sản, đảm bảo nguyên trạng để bàn giao cho tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

d) Thực hiện các thủ tục khác về đất đai theo thẩm quyền nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho đơn vị trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản thực hiện thủ tục về đất đai và có mặt bằng để triển khai dự án khai thác khoáng sản theo quy định.

đ) Phối hợp với các Sở, ngành liên quan của tỉnh tổ chức và triển khai hoạt động đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

6. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm đăng tải công khai Kế hoạch này kể từ ngày Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, trên Cổng Thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh và Trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường cho đến khi thực hiện xong Kế hoạch này.

Trong quá trình triển khai, nếu có những vấn đề vướng mắc, các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện liên quan kịp thời phản ánh, gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Trung Thảo



DANH SÁCH

CÁC KHU VỰC ĐÁU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
ĐÁ VÔI, CÁT, SỎI LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1994 /QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

STT	Tên khu vực (Vị trí mỏ)	Loại khoáng sản	Điểm góc	Toạ độ hệ VN 2000 (KTT 105 ⁰ 45' múi chiếu 3 ⁰)		Diện tích	Trữ lượng dự kiến theo Quy hoạch (m ³)	Dự kiến công suất khai thác (m ³ /năm)	Ghi chú
				X(m)	Y(m)				
01	Nam Hà, xã Đại Sơn, huyện Quảng Hòa	Đá vôi làm VLXD TT	1	2492 206	584 224	1,5	900.000	40.000	Khu vực chưa được thăm dò khoáng sản; Thuộc Quy hoạch khoáng sản tại Quyết định số 2315/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 và Quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 06/01/2021
			2	2492 112	584 264				
			3	2492 068	584 087				
			4	2492 134	584 067				
02	Giao Thượng, xóm Đồng Giao, xã Chí Tháo, huyện Quảng Hòa	Đá vôi làm VLXD TT	1	2507 116	569 468	1,8	900.000	45.000	Khu vực chưa được thăm dò khoáng sản; Thuộc Quy hoạch tại Quyết định số 237/QĐ-UBND ngày 22/02/2021
			2	2507 200	569 562				
			3	2507 076	569 666				
			4	2507 029	569 531				
03	Ngườm Giang, xã Đoài Dương, huyện Trùng Khánh	Đá vôi làm VLXD TT	1	2518 942	578 508	Khu I 2,0	Khu II: 900.000	40.000	Khu vực chưa được thăm dò khoáng sản; Thuộc Quy hoạch tại Quyết định số 237/QĐ-UBND ngày 22/02/2021
			2	2519 089	578 623				
			3	2519 021	578 708	Khu II 3,75			
			4	2518 873	578 593				
			1	2519 249	578 778				
			2	2519 359	578 989				
			3	2519 223	579 057				
			4	2519 103	578 857				
04	Phía Lả, xóm Sơn Lộ, xã Cao Chương, huyện Trùng Khánh	Đá vôi làm VLXD TT	1	2522 467	556 871	1,4	480.000	40.000	Khu vực chưa được thăm dò khoáng sản; Thuộc Quy hoạch khoáng sản tại Quyết định số 711/QĐ-UBND ngày 29/4/2021
			2	2522 486	557 034				
			3	2522 392	557 051				
			4	2522 410	556 850				

STT	Tên khu vực (Vị trí mỏ)	Loại khoáng sản	Điểm góc	Toạ độ hệ VN 2000 (<i>KTT 105⁰45' múi chiếu 3⁰</i>)		Diện tích	Trữ lượng dự kiến theo Quy hoạch (m ³)	Dự kiến công suất khai thác (m ³ /năm)	Ghi chú
				X(m)	Y(m)				
05	Lũng Vài, xóm Bàn Công, xã Đức Quang, huyện Hạ Lang	Đá vôi làm VLXDĐT	1	2513 683	594 935	05	2.500.000	80.000	Khu vực chưa được thăm dò khoáng sản; Thuộc Quy hoạch khoáng sản tại Quyết định số 1286/QĐ-UBND ngày 23/7/2021
			2	2513 665	595 045				
			3	2513 694	595 126				
			4	2513 480	595 133				
			5	2513 398	595 054				
			6	2513 397	594 944				
06	Bản Ruộc, xóm Bản Ruộc, xã Chí Viễn, huyện Trùng Khánh	Cát, sỏi đồi làm VLXDĐT	1	2525 830	588 292	1,41	35.000	5.000	Khu vực chưa được thăm dò khoáng sản; Thuộc Quy hoạch khoáng sản tại Quyết định số 1286/QĐ-UBND ngày 23/7/2021
			2	2525 730	588 243				
			3	2525 677	588 366				
			4	2525 762	588 405				
			5	2525 797	588 363				
07	Bó Nặm - Nà Mo, khu 1, thị trấn Pắc Miếu, huyện Bảo Lâm	Đá vôi làm VLXDĐT	1	2525 491	474 125	2,0	640.000	50.000	Khu vực chưa được thăm dò khoáng sản; Thuộc Quy hoạch khoáng sản tại Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 17/3/2021
			2	2525 663	474 211				
			3	2525 615	474 309				
			4	2525 447	474 228				
08	Pài Cãi, xóm Pác Chang, xã Khâm Thành, huyện Trùng Khánh	Đá vôi làm VLXDĐT	1	2529 084	577 621	5,2	400.000	45.000	Khu vực chưa được thăm dò khoáng sản; Thuộc Quy hoạch khoáng sản tại Quyết định số 617/QĐ-UBND ngày 15/4/2021
			2	2529 175	577 830				
			3	2528 927	577 904				
			4	2528 896	577 672				
09	Khuổi Quân, xã Ngủ Lảo, huyện Hòa An	Đá vôi làm VLXDĐT	1	2516 133	553 705	5,2	3.900.000	156.000	Khu vực chưa được thăm dò khoáng sản; Thuộc Quy hoạch khoáng sản tại Quyết định số 1843/QĐ-UBND ngày 11/10/2021
			2	2516 282	553 919				
			3	2516 121	554 074				
			4	2515 962	553 916				
Tổng						29,26	10.655.000	501.000	